

Số: 82/2018/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 06 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 556/TTr-UBND ngày 15/11/2018; Báo cáo thẩm tra số 738/BC-KTNS ngày 01/12/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019.

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019

1.1. Mục tiêu

Thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý và bền vững; cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; phát triển giáo dục - đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Chủ động ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu; phòng, chống và khắc phục thiên tai; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí. củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, đặc biệt là mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với 9 tỉnh bạn Lào.

1.2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2019: 27 chỉ tiêu tổng hợp (có phụ lục chi tiết kèm theo).

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.1. Cải thiện môi trường đầu tư, huy động và thu hút các nguồn lực, đảm bảo các cân đối cho đầu tư phát triển

Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách để khai thác tiềm năng, lợi thế và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện các dự án quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, chiến lược phát triển đô thị; xây dựng đề cương nhiệm vụ và tổ chức lập quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với xây dựng các kế hoạch về kinh tế - xã hội, tài chính - ngân sách, đầu tư công trung hạn, sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025. Nâng cao hiệu quả phân tích, rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung ban hành các cơ chế, chính sách đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra; đặc biệt là cơ chế, chính sách về phát triển nông nghiệp.

Tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách ở tất cả các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị; cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng an toàn, bền vững; khai thác tốt các nguồn thu, phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước; quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực ngân sách nhà nước gắn với huy động tối đa các nguồn lực ngoài ngân sách để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 của Chính phủ, hình thành cơ cấu đầu tư công hợp lý, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh. Việc cân đối bố trí các nguồn lực phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển theo hướng bền vững, tạo sức lan tỏa và động lực thúc đẩy giữa các huyện, thành phố. Đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hướng xã hội hóa đầu tư, mở rộng các hình thức đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh xã hội hóa tham gia cung cấp dịch vụ công. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

Chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tập trung đầu tư cho nông nghiệp nông thôn, cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa; triển khai các hình thức huy động vốn phù hợp, hiệu quả đáp ứng nhu cầu vốn cho vay khách hàng, đảm bảo dự trữ thanh khoản và các chỉ số an toàn trong hoạt động.

2.2. Đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao năng suất và sức cạnh tranh, tạo sự chuyển biến thực chất trong từng ngành, lĩnh vực

Đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, dựa vào đầu tư, xuất khẩu, trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, tăng năng suất lao động, đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư, sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2019 theo từng quý, cụ thể hóa các định hướng, nhiệm vụ, giải

pháp trong thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho từng ngành, lĩnh vực, từng sản phẩm chủ lực bảo đảm mục tiêu tăng trưởng năm 2019 đã đề ra.

Phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng cơ cấu lại lĩnh vực, sản phẩm lợi thế theo nhu cầu thị trường; tiếp tục định hướng tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển công nghiệp phục vụ sản xuất và chế biến, tiêu thụ nông nghiệp. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên giao và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Rà soát các vùng sản xuất, triển khai quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Tiếp tục triển khai thực hiện chủ trương trồng cây ăn quả trên đất dốc tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho các nhà máy chế biến và phục vụ xuất khẩu. Triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn.

Khai thác, phát huy tiềm năng và nâng cao giá trị gia tăng các ngành công nghiệp thế mạnh của địa phương. Tăng cường hiệu quả công tác thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát huy hết công suất hiện có, đầu tư mở rộng quy mô, công suất, cải tiến kỹ thuật, áp dụng công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư, vận hành các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư thủy điện, sớm hoàn thành đưa vào khai thác đảm bảo chất lượng công trình và cam kết về môi trường.

Nâng cao năng lực và đổi mới công tác xúc tiến thương mại; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới chợ, siêu thị trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp tiêu thụ và xuất khẩu các sản phẩm nông sản có tiềm năng, lợi thế; thu hút các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến, bảo quản các sản phẩm đủ điều kiện xuất khẩu.

Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch; đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch; nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết phát triển du lịch trong và ngoài tỉnh. Huy động, thu hút các nguồn lực tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật du lịch vào các khu du lịch trọng điểm như: Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, vùng lòng hồ thủy điện, các điểm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng...

2.3. Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng di dân tái định cư các dự án thủy điện

Ổn định đời sống và sản xuất cho các hộ tái định cư; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp; chuyển đổi một số cây trồng hiệu quả thấp sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và chế biến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Triển khai thực hiện Đề án “Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018.

2.4. Đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội khác

Đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ kịp thời người dân vùng bị thiên tai khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng; các chính sách giải quyết việc làm; chương trình cho vay vốn ưu đãi, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả công tác phòng chống ma túy; duy trì, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn không có ma túy.

Tập trung đổi mới, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục. Duy trì và nâng cao chất lượng mô hình tổ chức nấu ăn tập trung bán trú ở các xã đặc biệt khó khăn tại tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh.

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân gắn với việc củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế các tuyến, ưu tiên phát triển mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực y tế. Đẩy mạnh công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, từng bước cải thiện chất lượng dân số.

Phát triển thị trường khoa học công nghệ, coi doanh nghiệp là trung tâm đổi mới, sáng tạo. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng thương hiệu; triển khai Đề án phát triển và quảng bá thương hiệu nông sản chủ lực của tỉnh giai đoạn 2018-2021.

Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, nhất là về cơ chế, chính sách gắn liền với cuộc sống của người dân và hoạt động của doanh nghiệp. Tiếp tục triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; đẩy mạnh công tác xã hội hóa, chú trọng huy động các nguồn lực đóng góp xây dựng các thiết chế văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc; khuyến khích sáng tạo trong hoạt động văn hóa nghệ thuật. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức lễ kỷ niệm 60 năm ngày Bác Hồ và Đoàn công tác của Chính phủ về thăm, nói chuyện với cán bộ, chiến sỹ và đồng bào các dân tộc vùng Tây Bắc tại tỉnh Sơn La (07/5/1959 - 07/5/2019).

2.5. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo quỹ đất cho đầu tư phát triển. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho công tác quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng trên địa bàn. Tăng cường quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản. Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020 -2024

đảm bảo tiến độ, khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực hiện Bảng giá đất giai đoạn 2015-2019.

Ngăn chặn, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Quản lý chặt chẽ việc kinh doanh và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng chống, giảm nhẹ thiên tai; tập trung khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân.

2.6. Đẩy mạnh cải cách hành chính; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, trọng tâm là sắp xếp các bản, tiểu khu, tổ dân phố; đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, xác định vị trí việc làm và tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước gắn với công khai, minh bạch, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; đề cao trách nhiệm giải trình và trách nhiệm của người đứng đầu, của cán bộ, công chức.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện, Bộ phận một cửa xã, phường, thị trấn. Tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của chính quyền địa phương. Triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (Par Index) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính theo hướng chuyên nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và hội nhập.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; thực hiện nghiêm các kết luận sau thanh tra. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng lãng phí; kiên quyết phát hiện, xử lý tham nhũng vặt; thực hiện nghiêm công văn số 3842-CV/TU ngày 22/11/2018 của Ban Thường vụ tỉnh ủy. Thực hiện tốt việc tiếp công dân; nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2.7. Đảm bảo quốc phòng - an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại

Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, lực lượng vũ trang vững vàng về chính trị, có sức chiến đấu ngày càng cao, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và củng cố hệ thống chính trị cơ sở, chú trọng vùng cao, biên giới.

Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; đấu tranh với âm mưu của các thế lực thù địch, các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn và ùn tắc giao thông; rà soát công tác bảo đảm phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn.

Củng cố và mở rộng các mối quan hệ hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế; tăng cường mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với 9 tỉnh bạn Lào. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về biên giới lãnh thổ; lãnh sự và bảo hộ công dân; giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú vùng biên giới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. HĐND tỉnh kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2019.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Trung tâm: Thông tin; VTLT tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, (150b).

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số 82/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		KH năm 2019	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước thực hiện		ƯTH 2018/TH 2017	KH 2019/ƯTH 2018
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ							
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP	%	9.59	8.5	8.59	9.0		
2	GRDP bình quân	Triệu đồng/người/năm	34.4	36.8	38.0	40.3	110.5	106.0
3	Cơ cấu kinh tế (%)	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	22.8	21.5	23.2	22.8		
		- CN - XD	34.4	34.0	33.8	33.9		
		- Dịch vụ	38.9	40.5	39.1	39.3		
		- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	3.9	4.0	3.9	4.0		
4	Giá trị hàng hóa nông sản, thực phẩm thương mại xuất khẩu	Triệu USD	67.08	100.0	112.6	141.9	167.9	126.0
5	Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	4,462	4,450	5,000	4,650	112.1	93.0
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	14,825	14,500	15,702	17,000	105.9	108.3
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI							
1	Tỷ lệ đô thị hóa	%	14.04	14.6	14.6	14.78		
2	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	%	4	4.02	3.92	3.86		
3	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	71.9	70.9	70.9	69.7		
4	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	95.5	95.5	95.5	95.5		
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	41.8	45.6	45.6	49.4		
6	Tạo việc làm trong năm	Lao động	22,470	23,000	23,000	23,000	102.4	100.0
7	Tỷ lệ hộ nghèo	%	29.22	25.44	25.44	22.44		
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%	20.5	20	20	19.6		
9	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	23.11	25.2	25.2	25.9	109.0	102.8
10	Số bác sĩ/10.000 dân	Bác sĩ	7.11	6.9	7.2	7.43	101.3	103.2
11	Tỷ lệ xã/phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	53.4	55.9	66.7	71.5		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		KH năm 2019	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Ước thực hiện		UTH 2018/TH 2017	KH 2019/UTH 2018
12	Tỷ lệ hộ được dùng điện sinh hoạt	%	91.5	93.2	93.8	95.6		
13	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	65	66	66	67		
14	Tỷ lệ hộ xem được Đài truyền hình Việt Nam	%	92.9	93.1	93.1	93.3		
15	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã được cứng hóa	%	86.76	88.73	90.20	96.08		
16	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	16	22	26	33	162.5	126.9
17	Cơ quan, đơn vị, DN, trường học, trạm y tế đạt tiêu chuẩn không có ma túy	%	99.3	100	100	100		
	Xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn không có ma túy	%	10.3	22.5	15	20		
	Tổ bản đạt tiêu chuẩn không có ma túy	%	49.8	60	55	60		
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG							
1	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	85	88	88	92		
	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	92	92.5	92.5	93		
2	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	57.1	66.7	66.7	100		
3	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom							
	- Khu vực đô thị	%	87	88	88	90		
	- Khu vực nông thôn	%	44	54	54	64		
4	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42.72	44	44	44.5		

CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Chất